TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **08**/2021/QĐST-HNGĐ	*Phong Điền, ngày 14 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 4 điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2020 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

1. Anh Trần T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Nguyễn Thị Khánh C, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn Ư, xã P1, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần T và chị Nguyễn Thị Khánh C trên cơ sở yêu nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện Phong Điền theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 28/8/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng nên chị C đã bồng con về sống cùng với bố mẹ mình và từ đó vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Sau thời gian sống ly thân, tuy đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng anh T và chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn và không thể hàn gắn nên cùng yêu cầu Tòa án "Công nhận thuận tình ly hôn" là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Các đương sự cùng xác nhận có một con chung là Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 07/5/2017 hiện đang ở với mẹ. Các đương sự thỏa thuận giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Các đương sự thỏa thuận anh T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000.đ kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi;

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Số tiền phải nộp là 300.000.đ, chị C tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần T và chị Nguyễn Thị Khánh C.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Khánh C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 07/5/2017 (hiện đang ở với mẹ) kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Trần T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Anh Trần T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000.đ (bốn triệu đồng) kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Chị C phải nộp lệ phí công nhận thuận tình ly hôn là 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000.đ theo phiếu thu lệ phí số: 0001059 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền là đủ không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P1;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Án văn.

THẨM PHÁN

Hồ Xuân Đàm